

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/DS-ST.

Ngày: 09-11-2018.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Trần Tổ Lâm.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2018/QĐXX-DS ngày 26 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà L - (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 29 đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Đ - (vắng mặt).

Địa chỉ: 77/5 đường V, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà L trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên bà Đ có hỏi mượn bà L số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 31/12/2013. Hai bên thỏa thuận miệng khi nào cần thì bà L sẽ báo trước cho bà Đ một tuần. Về lãi suất thì hai bên thỏa thuận miệng là 2%.

Ngày 05/12/2013 bà Đ mượn của bà L 10 chỉ vàng SJC. Hai bên thỏa thuận khi nào cần thì bà L sẽ báo trước cho bà Đ một tuần.

Đến hạn trả nợ nhưng bà Đ không thực hiện theo đúng như thỏa thuận, bà L đã đến nhà và gọi điện nhiều lần yêu cầu bà Đ trả nợ nhưng bà Đ cứ hẹn hết lần này đến lần khác mà vẫn không trả.

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ phải trả cho bà L số tiền vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày bà L nộp đơn khởi kiện và 10 chỉ vàng SJC.

2. Bị đơn bà Đ: Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho bà Đ nhiều lần, nhưng bà Đ không lên Tòa án làm bản tự khai, hòa giải theo quy định.

2. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật; bị đơn bà Đ không chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà L. Tuyên buộc bà Đ phải trả số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật, trả 01 cây vàng SJC (10 chỉ) cho bà L. Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự là phù hợp theo quy tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Đ phải trả số tiền nợ là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và 10 chỉ vàng SJC (10 chỉ), theo các chứng cứ: Giấy vay vàng ngày 05/12/2013 có nội dung “... có cho bà Đ vay 1 cây vàng SJC (10 chỉ)”; Giấy vay tiền ngày 31/12/2013 có nội dung “Bà L cho bà Đ vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng”.

Tại Kết luận giám định số 73/PC54 ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận “*Chữ ký, chữ viết mang tên Đ trong tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đúng tên Đ trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra*”.

Như vậy, có cơ sở để xác định bà Đ có vay của bà L 10 chỉ vàng SJC (01 cây) vào ngày 05/12/2013 và vay số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 31/12/2013. Khi vay hai bên không thỏa thuận thời gian trả nợ, chỉ ghi khi nào bà L cần thì báo cho bà Đ sẽ trả. Bà L khởi kiện yêu cầu bà Đ thanh toán nợ nhưng bà Đ cố tình trốn tránh, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận. Bà Đ có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và 10 chỉ vàng SJC (giá vàng SJC ngày 09/11/2018 là 36.350.000 đồng).

Đối với yêu cầu tính lãi suất: Do các bên không thỏa thuận về lãi suất cho vay, cho nên lãi suất được tính theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, từ thời điểm khởi kiện (ngày 26/12/2017) đến ngày xét xử, cụ thể như sau:

$50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 10 \text{ tháng} 14 \text{ ngày} = 4.344.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng bà Đ phải trả cho bà L số tiền là 54.344.000 đồng (gốc 50.000.000 đồng, lãi 4.344.000 đồng) và 10 chỉ vàng SJC.

[3]. Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: $90.694.000 \times 5\% = 4.534.000 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Buộc bà Đ có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 54.344.000 đồng (năm mươi tư triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) (trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất là 4.344.000 đồng), và 10 (mười) chỉ vàng SJC.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.534.000 đồng.

Bà L được nhận lại 2.150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004962 ngày 03/01/2018.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đông

